TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị A với anh K"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiền.
2. Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Hải A, sinh năm: 1988, địa chỉ: Ấp LT, xã LS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn K, sinh năm: 1986, địa chỉ: Ấp AL, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đặng Thị Hải A trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn K tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống chung cùng gia đình chồng tại ấp AL, xã AT. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến cuối năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị và gia đình chồng bất hòa nên chị về quê ruột ở huyện Giồng Trôm sinh sống. Đến đầu năm 2017, anh K không còn quan tâm đến chị và các con, vợ chồng hay cãi nhau, chị và anh K không còn sống chung với nhau từ thời gian đó.

Nhận thấy thời gian không sống chung với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh K.

Trong thời gian chung sống, chị và anh K có 02 con chung tên Huỳnh Đặng Phương T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2013 và Huỳnh Đăng K, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2015. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con, yêu cầu anh K cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung.

Do bị đơn là anh Huỳnh Văn K vắng mặt tại các buổi hòa giải và phiên tòa nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Đặng Thị Hải A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Huỳnh Văn K. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Huỳnh Văn K là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Hải A và anh Huỳnh Văn K chung sống có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị A và anh K được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị A cho rằng chị và anh K mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh K không quan tâm đến chị và các con. Chị A và anh K không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin ly hôn với anh K. Tòa án đã thông báo cho anh K đến để hòa giải, tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ nhưng anh K không đến.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị A và anh K đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A để giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

[3] Về con chung: Chị A và anh K có 02 con chung tên Huỳnh Đặng Phương T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2013 và Huỳnh Đăng K, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2015. Chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu, yêu cầu anh K cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cả hai cháu còn nhỏ và đang sống cùng với chị A. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của các cháu được ổn định nên cần giao cháu T và cháu K cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng.

Đối với việc cấp dưỡng cho con, chị Ây yêu cầu anh K cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Qua xác minh thu thập chứng cứ, theo hợp đồng lao động không thời hạn thì mức thu nhập hàng tháng của anh K là 7.050.000 đồng và anh K không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho người nào khác. Do đó, với mức yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị A là phù hợp nên buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T và cháu K mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A khai chị và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng.

Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Hải A. Chị Đặng Thị Hải A được ly hôn với anh Huỳnh Văn K.

Về con chung: Chị Đặng Thị Hải A và anh Huỳnh Văn K có hai con chung tên Huỳnh Đặng Phương T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2013 và Huỳnh Đăng K, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2015.

Chị Đặng Thị Hải A được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Huỳnh Đặng Phương T và Huỳnh Đăng K.

Anh Huỳnh Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Huỳnh Đặng Phương T, Huỳnh Đăng K theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi Huỳnh Đặng Phương T và Huỳnh Đăng K đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án là ngày 13 tháng 6 năm 2019.

Anh Huỳnh Văn K được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền

cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị Hải A trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Hải A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002307 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Chị Đặng Thị Hải A đã nộp đủ án phí.

Anh Huỳnh Văn K phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã AT;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.